

Bản án số: 224/2022/DS-ST

Ngày: 20/7/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên

- Bà Võ Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2022/QĐHPT-ST ngày 21/6/2022), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN; Trụ sở: quận 1, TPHCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Duy Q; Địa chỉ: quận Bình Thạnh, TPHCM; Văn bản ủy quyền số 067813.22 ngày 24/6/2022.

Bị đơn: Ông Trương Bảo Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QTVN và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

1/ Đối với Hợp đồng tín dụng số 6218648.19 ngày 15/7/2019:

Ngày 15/7/2019 ông Trương Bảo Th có ký Hợp đồng tín dụng số 6218648.19 để vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay là để mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes – Benz, biển số , 78A – 048.56. Thời hạn 60 tháng, từ ngày 16/7/2019 đến 15/7/2024. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/ năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong

hạn. Phương thức vay là cấp tín dụng từng lần. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 900.000.000 đồng cùng ngày 15/7/2019 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/7/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th thanh toán hợp đồng vay đến ngày 15/10/2020 thì ngưng cho đến nay. Tổng số tiền ông Trương Bảo Th đã thanh toán cho Ngân hàng là 304.457.873 đồng. Trong đó vốn gốc đã thanh toán là 210.434.690 đồng, lãi đã thanh toán là 94.023.183 đồng. Tạm tính đến ngày 01/3/2021 thì vốn gốc ông Th chưa thanh toán là 689.565.310 đồng và lãi chưa thanh toán là 39.713.244 đồng. Cộng là 729.278.554 đồng.

2/ Đối với nợ thẻ tín dụng: Ngày 08/4/2019 ông Trương Bảo Th có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng TMCP QTVN. Mức đề nghị mở thẻ là 90.000.000 đồng. Phía ngân hàng đã duyệt cấp tín dụng thẻ cho ông Th bằng 02 thẻ tín dụng với hạn mức khác nhau, tổng hạn mức của 02 thẻ là 85.000.000 đồng, cụ thể là:

- Thẻ tín dụng số 5128240000867034 cấp ngày 11/4/2019, hạn mức 17.000.000 đồng. Tính tới ngày 01/3/2021, ông Th còn nợ gốc là 15.811.602 đồng; Nợ lãi 3.238.126 đồng; Phí chậm thanh toán 5.212.595 đồng; Phí vượt hạn mức 300.000 đồng. Cộng là 24.562.323 đồng.

- Thẻ tín dụng số 5138925990290837 cấp ngày 11/4/2019, hạn mức 68.000.000 đồng. Tính tới ngày 01/3/2021, ông Th còn nợ gốc là 64.212.132 đồng; Nợ lãi là 14.533.639 đồng; Phí chậm thanh toán 14.000.000 đồng; Phí vượt hạn mức 3.473.333 đồng. Cộng là 96.219.107 đồng.

Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Bảo Th thanh toán số tiền trên, cụ thể như sau: Nợ đối với hợp đồng tín dụng số 6218648.19 là 729.278.554 đồng; Nợ đối với thẻ tín dụng số 5128240000867034 là 24.562.323 đồng; Nợ đối với tín dụng số 5138925990290837 là 96.219.107 đồng. Tổng cộng là 850.059.984 đồng.

Bị đơn là ông Trương Bảo Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt và nộp bảng kê vốn lãi chưa thanh toán đối với bị đơn Trương Bảo Th, yêu cầu bị đơn thanh toán dư nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là ngày 20/7/2022 như sau:

Nợ đối với hợp đồng tín dụng số 6218648.19 là 925.973.625 đồng + Nợ đối với thẻ tín dụng số 5128240000867034 là 52.647.689 đồng + Nợ đối với thẻ tín dụng số 5138925990290837 là 149.053.395 đồng = Tổng cộng là 1.127.674.709 đồng.

Đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn có vay tiền của nguyên đơn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên xác định giữa bị đơn và nguyên đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản thông qua hình thức cấp tín dụng. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 [Luật Tổ chức tín dụng năm 2010](#).

1.2 Về người tham gia tố tụng và thẩm quyền của Tòa án:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là ông Trương Bảo Th, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn. Kết quả xác minh thể hiện: “Ông Trương Bảo Th, sinh năm 1993 không đăng ký hộ khẩu thường trú tại --- quận Gò Vấp và hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ trên”. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết các hợp đồng, bị đơn có nộp cho nguyên đơn Sổ tạm trú số 02, tờ số 13, ký ngày 16/8/2017, thể hiện bị đơn có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên. Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nêu tại hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng, đơn đề nghị giải ngân được ký kết giữa các bên. Nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn.

Do bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, hợp đồng tín dụng số 6218648.19 ngày 15/7/2019; Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 08/4/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/7/2019 được ký kết giữa các bên và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay tổng số tiền 900.000.000 đồng để mua xe ô tô và phát hành 02 thẻ tín dụng để tiêu dùng với tổng hạn mức được cấp là 85.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm xét xử bị đơn còn dư nợ gốc và lãi chưa thanh toán là:

Nợ đối với hợp đồng tín dụng số 6218648.19 là 925.973.625 đồng (trong đó vốn 689.565.310 đồng + lãi 236.408.315 đồng) + Nợ đối với thẻ tín dụng số 5128240000867034 là 52.647.689 đồng (trong đó vốn 15.811.602 đồng + lãi 36.836.087 đồng) + Nợ đối với thẻ tín dụng số 5138925990290837 là 149.053.395 đồng (trong đó vốn 64.212.135 đồng + lãi 84.841.260 đồng) = Tổng cộng là 1.127.674.709 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Nội dung yêu cầu của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại các Điều 1, 3, 4 của hợp đồng số 6218648.19 ngày 15/7/2019 và Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 08/4/2019. Xét, chủ thể ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Phù hợp nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Nên buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Bị đơn thanh toán các khoản nợ còn thiếu và lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán. Đồng thời, còn phải tiếp tục trả lãi, phí theo thỏa thuận giữa hai bên được ký kết trong hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QTVN (có ông Bùi Quốc Kh làm đại diện) đối với bị đơn là ông Trương Bảo Th.

Buộc ông Trương Bảo Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 1.127.674.709 đồng (*một tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm lẻ chín ngàn đồng*). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Bảo Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.830.241 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ngàn, hai trăm bốn mươi một đồng*).

Hoàn tạm nộp án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 18.750.900 đồng (*mười tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn, chín trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0028607 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Lê Tứ Nhị